

**PHỤ LỤC: DỰ TOÁN KINH PHÍ PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK L**

(Ban hành kèm theo kế hoạch số : /KH-UBND, ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đ

STT	NỘI DUNG	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Nguồn kinh phí	
					Cấp tỉnh	Cấp huyện
A	<b>Công tác phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản</b>					<b>84,840,000</b>
I	<b>Công tác giám sát dịch bệnh</b>					60,940,000
1	Giám sát chủ động: lấy mẫu xét nghiệm định kỳ 2 đợt/ năm				Ngân sách tỉnh	
2	Giám sát bị động khi có dịch bệnh xảy ra chi phí giám sát như: thu mẫu, xét nghiệm, điều tra thu thập thông tin, hướng dẫn xử lý ổ dịch và chống dịch (nếu có)					<b>60,940,000</b>
2.1	Chi phí đi lấy mẫu (công tác phí 1 người x 1 ngày x 11 xã, thị trấn )	ngày	<b>11</b>	150,000		1,650,000
2.2	Tiền mua mẫu (cá)					1,430,000
-	Rô phi (0.5 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/ đợt	kg	5.50	50,000		275,000
-	Chép (0.5 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/đợt	kg	5.50	50,000		275,000
-	Trắm cỏ (1 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/đợt	kg	11	80,000		880,000
2.3	Tiền chi phí mua vật tư lấy mẫu (bao bì, đá, thùng xốp...)					7,920,000
-	Tiền chi phí mua vật tư lấy mẫu (bao bì, đá, thùng xốp...)	mẫu	<b>11</b>	120,000		1,320,000
-	Tiền gửi mẫu đến địa điểm xét nghiệm	mẫu	<b>11</b>	600,000		6,600,000

2.4	Tiền xét nghiệm mẫu giám sát dịch bệnh vi rút					20,625,000
-	Rhabdovirus carpio bệnh xuất mùa xuân do virus (SVCV) trên cá chép	Mẫu	11	625,000		6,875,000
-	Grass carp Reovirus (GCRV) trên cá trắm cỏ	Mẫu	11	625,000		6,875,000
-	Tilapia Lake (TiLV) trên cá rô phi	Mẫu	11	625,000		6,875,000
2.5	Tiền xét nghiệm mẫu dịch bệnh vi khuẩn					8,690,000
-	Vi khuẩn Aeromonas (02 hộ gộp 01 mẫu / xã, thị trấn x 11 xã, thị trấn)	Mẫu	11	395,000		4,345,000
-	Vi khuẩn Streptococcus (02 hộ gộp 01 mẫu / xã, thị trấn x 11 xã, thị trấn)	Mẫu	11	395,000		4,345,000
II	<b>Khử trùng tiêu độc</b>					<b>500,000</b>
1	Hóa chất Sodium Chlorite 20% (KTTĐ và dự trữ chống dịch)	kg			Ngân sách tỉnh	
2	Công tác phí cán bộ thú y kiểm tra, giám sát công tác khử trùng tiêu độc tại các xã, thị trấn KTTĐTS ( 500.000 đồng)	đợt	1	500,000		500,000
III	<b>Thông tin tuyên truyền, tập huấn công tác thú y, thủy sản tại các xã, thị trấn hay xảy ra dịch, mật độ nuôi cao, hoặc khi xảy ra dịch bệnh</b>					<b>13,400,000</b>
1	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên không hưởng lương	Người	<b>60</b>	100,000		6,000,000
2	Chi giải khát giữa giờ	Người	<b>60</b>	40,000		2,400,000
3	Tiền photo tài liệu tập huấn (50 trang x 60 bộ)	Bộ	<b>60</b>	25,000		1,500,000
4	Tiền mua vở, bút, bì nút	Bộ	<b>60</b>	15,000		900,000
5	Tiền trang trí hội trường	lớp	<b>2</b>	200,000		400,000
6	Mua vật tư, dụng cụ thực hành 500.000 đồng/ lớp	lớp	<b>2</b>	500,000		1,000,000

7	Tiền giảng viên (01 ngày / lớp)	Ngày	2	600,000		1,200,000
IV	<b>Mua dụng cụ đo môi trường trồng thủy sản gồm: (bút đo pH, máy đo oxy hòa tan, bộ test kit nhanh ..... )Để hướng dẫn hộ nuôi chủ động xử lý nước trong quá trình nuôi.</b>	Bộ	1	10,000,000		<b>10,000,000</b>
B	<b>Thông tin tuyên truyền kết quả Quan trắc (sau khi có kết quả quan trắc vùng nuôi, thông báo kết quả và khuyến cáo đến các hộ nuôi nuôi trồng thủy sản bằng nhiều phương tiện thông tin ...) 1.000.000 đồng/ tháng/ xã x 11 xã, thị trấn.</b>	Tháng	11	1,000,000		<b>11,000,000</b>
<b>Tổng A + B</b>						<b>95,840,000</b>

**IÀ NĂM 2023**

*ăk Hà )*

<b>Ghi chú</b>
Nghị Quyết số 11/2017/NQ- HDND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
Tạm tính

Báo giá

TT 40/2017/TT-BTC  
( ngày 28/4/2017);  
Nghị Quyết số 11/2017/NQ-  
HDND ngày 21/7/2017 của Hội  
đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Tạm tính

Điểm Đ điều 3 thông tư  
139/2010/TT-BTC ( ngày  
21/9/2010)

Tạm tính

**PHỤ LỤC: DỰ TOÁN KINH PHÍ PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK HÀ NĂM 2024**

*(Ban hành kèm theo kế hoạch số : /KH-UBND, ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà)*

STT	NỘI DUNG	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Nguồn kinh phí		Ghi chú
					Cấp tỉnh	Cấp huyện	
A	<b>Công tác phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản</b>					<b>84,840,000</b>	
I	<b>Công tác giám sát dịch bệnh</b>					60,940,000	
1	Giám sát chủ động: lấy mẫu xét nghiệm định kỳ 2 đợt/ năm				Ngân sách tỉnh		
2	Giám sát bị động khi có dịch bệnh xảy ra chi phí giám sát như: thu mẫu, xét nghiệm, điều tra thu thập thông tin, hướng dẫn xử lý ổ dịch và chống dịch (nếu có)					60,940,000	Nghị Quyết số 11/2017/NQ-HDND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
2.1	Chi phí đi lấy mẫu (công tác phí 1 người x 1 ngày x 11 xã, thị trấn )	Ngày	<b>11</b>	150,000		1,650,000	
2.2	Tiền mua mẫu (cá)					1,430,000	Tạm tính
-	Rô phi (0.5 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/ đợt	Kg	5.50	50,000		275,000	
-	Chép (0.5 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/đợt	Kg	5.50	50,000		275,000	
-	Trắm cỏ (1 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/đợt	Kg	11	80,000		880,000	
2.3	Tiền chi phí mua vật tư lấy mẫu (bao bì, đá, thùng xốp...)					<b>7,920,000</b>	
-	Tiền chi phí mua vật tư lấy mẫu (bao bì, đá, thùng xốp...)	Mẫu	<b>11</b>	120,000		1,320,000	
-	Tiền gửi mẫu đến địa điểm xét nghiệm	Mẫu	<b>11</b>	600,000		6,600,000	
2.4	Tiền xét nghiệm mẫu giám sát dịch bệnh vi rút					20,625,000	

-	Rhabdovirus carprio bệnh xuất mùa xuân do virus (SVCV) trên cá chép	Mẫu	11	625,000		6,875,000	Báo giá
-	Grass carp Reovirus (GCRV) trên cá trắm cỏ	Mẫu	11	625,000		6,875,000	
-	Tilapia Lake (TiLV) trên cá rô phi	Mẫu	11	625,000		6,875,000	
2.5	Tiền xét nghiệm mẫu dịch bệnh vi khuẩn					8,690,000	
-	Vi khuẩn Aeromonas (02 hộ gộp 01 mẫu / xã, thị trấn x 11 xã, thị trấn)	Mẫu	11	395,000		4,345,000	
-	Vi khuẩn Streptococcus (02 hộ gộp 01 mẫu / xã, thị trấn x 11 xã, thị trấn)	Mẫu	11	395,000		4,345,000	
II	<b>Khử trùng tiêu độc</b>					<b>500,000</b>	
1	Hóa chất Sodium Chlorite 20% (KTTĐ và dự trữ chống dịch)	kg			Ngân sách tỉnh		
2	Công tác phí cán bộ thú y kiểm tra, giám sát công tác khử trùng tiêu độc tại các xã, thị trấn KTTĐTS ( 500.000 đồng)	đợt	1	500,000		500,000	TT 40/2017/TT-BTC
III	<b>Thông tin tuyên truyền, tập huấn công tác thú y, thủy sản tại các xã, thị trấn hay xảy ra dịch, mật độ nuôi cao, hoặc khi xảy ra dịch bệnh</b>					<b>13,400,000</b>	<b>( ngày 28/4/2017</b>
1	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên không hưởng lương	Người	<b>60</b>	100,000		6,000,000	TT 40/2017/TT-BTC ( ngày 28/4/2017);
2	Chi giải khát giữa giờ	Người	<b>60</b>	40,000		2,400,000	Nghị Quyết số 11/2017/NQ-HDND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum



3	Tiền photo tài liệu tập huấn (50 trang x 60 bộ)	Bộ	<b>60</b>	25,000		1,500,000	Tạm tính
4	Tiền mua vở, bút, bì nút	Bộ	<b>60</b>	15,000		900,000	
5	Tiền trang trí hội trường	lớp	<b>2</b>	200,000		400,000	
6	Mua vật tư, dụng cụ thực hành 500.000 đồng/ lớp	lớp	<b>2</b>	500,000		1,000,000	
7	Tiền giảng viên (01 ngày / lớp)	Ngày	<b>2</b>	600,000		1,200,000	Điểm Đ điều 3 thông tư 139/2010/TT-BTC ( ngày 21/9/2010)
IV	<b>Mua dụng cụ đo môi trường trong thủy sản gồm: (bút đo pH, máy đo oxy hòa tan, bộ test kit nhanh ..... )Để hướng dẫn hộ nuôi chủ động xử lý nước trong quá trình nuôi</b>	Bộ	<b>1</b>	10,000,000		10,000,000	Tạm tính
B	<b>Thông tin tuyên truyền kết quả Quan trắc (sau khi có kết quả quan trắc vùng nuôi, thông báo kết quả và khuyến cáo đến các hộ nuôi nuôi trồng thủy sản bằng nhiều phương tiện thông tin ...) 1.000.000 đồng/ tháng/ xã x 11 xã, thị trấn.</b>	Tháng	<b>11</b>	1,000,000		11,000,000	
<b>Tổng A + B</b>						<b>95,840,000</b>	

**PHỤ LỤC: DỰ TOÁN KINH PHÍ PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK HÀ NĂM 2025**

*(Ban hành kèm theo kế hoạch số : /KH-UBND, ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà )*

STT	NỘI DUNG	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Nguồn kinh phí		Ghi chú
					Cấp tỉnh	Cấp huyện	
A	<b>Công tác phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản</b>					<b>84,840,000</b>	
I	<b>Công tác giám sát dịch bệnh</b>					60,940,000	
1	Giám sát chủ động: lấy mẫu xét nghiệm định kỳ 2 đợt/năm				Ngân sách tỉnh		
2	Giám sát bị động khi có dịch bệnh xảy ra chi phí giám sát như: thu mẫu, xét nghiệm, điều tra thu thập thông tin, hướng dẫn xử lý ổ dịch và chống dịch (nếu có)					60,940,000	Nghị Quyết số 11/2017/NQ-HDND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
2.1	Chi phí đi lấy mẫu (công tác phí 1 người x 1 ngày x 11 xã, thị trấn )	Ngày	<b>11</b>	150,000		1,650,000	
2.2	Tiền mua mẫu (cá)					1,430,000	Tạm tính
-	Rô phi (0.5 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/ đợt	Kg	5.50	50,000		275,000	
-	Chép (0.5 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/ đợt	Kg	5.50	50,000		275,000	
-	Trắm cỏ (1 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/ đợt	Kg	11	80,000		880,000	
2.3	Tiền chi phí mua vật tư lấy mẫu (bao bì, đá, thùng xốp...)					<b>7,920,000</b>	
-	Tiền chi phí mua vật tư lấy mẫu (bao bì, đá, thùng xốp...)	Mẫu	<b>11</b>	120,000		1,320,000	
-	Tiền gửi mẫu đến địa điểm xét nghiệm	Mẫu	<b>11</b>	600,000		6,600,000	
2.4	Tiền xét nghiệm mẫu giám sát dịch bệnh vi rút					20,625,000	

-	Rhabdovirus carpio bệnh xuất mùa xuân do virus (SVCV) trên cá chép	Mẫu	11	625,000		6,875,000	Báo giá
-	Grass carp Reovirus (GCRV) trên cá trắm cỏ	Mẫu	11	625,000		6,875,000	
-	Tilapia Lake (TiLV) trên cá rô phi	Mẫu	11	625,000		6,875,000	
2.5	Tiền xét nghiệm mẫu dịch bệnh vi khuẩn					8,690,000	
-	Vi khuẩn Aeromonas (02 hộ gộp 01 mẫu / xã, thị trấn x 11 xã, thị trấn)	Mẫu	11	395,000		4,345,000	
-	Vi khuẩn Streptococcus (02 hộ gộp 01 mẫu / xã, thị trấn x 11 xã, thị trấn)	Mẫu	11	395,000		4,345,000	
II	<b>Khử trùng tiêu độc</b>					<b>500,000</b>	
1	Hóa chất Sodium Chlorite 20% (KTTĐ và dự trữ chống dịch)	kg			Ngân sách tỉnh		
2	Công tác phí cán bộ thú y kiểm tra, giám sát công tác khử trùng tiêu độc tại các xã, thị trấn KTTĐTS ( 500.000 đồng)	đợt	1	500,000		500,000	TT 40/2017/TT-BTC
III	<b>Thông tin tuyên truyền, tập huấn công tác thú y, thủy sản tại các xã, thị trấn hay xảy ra dịch, mật độ nuôi cao, hoặc khi xảy ra dịch bệnh</b>					<b>13,400,000</b>	<b>( ngày 28/4/2017</b>
1	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên không hưởng lương	Người	<b>60</b>	100,000		6,000,000	TT 40/2017/TT-BTC ( ngày 28/4/2017); Nghị Quyết số 11/2017/NQ-HDND ngày
2	Chi giải khát giữa giờ	Người	<b>60</b>	40,000		2,400,000	
3	Tiền photo tài liệu tập huấn (50 trang x 60 bộ)	Bộ	<b>60</b>	25,000		1,500,000	Tạm tính
4	Tiền mua vở, bút, bì nút	Bộ	<b>60</b>	15,000		900,000	
5	Tiền trang trí hội trường	lớp	<b>2</b>	200,000		400,000	

6	Mua vật tư, dụng cụ thực hành 500.000 đồng/ lớp	lớp	2	500,000		1,000,000	
7	Tiền giảng viên (01 ngày / lớp)	Ngày	2	600,000		1,200,000	Điểm Đ điều 3 thông tư 139/2010/TT-BTC ( ngày
IV	<b>Mua dụng cụ đo môi trường trồng thủy sản gồm: (bút đo pH, máy đo oxy hòa tan, bộ test kit nhanh ..... )Để hướng dẫn hộ nuôi chủ động xử lý nước trong quá trình nuôi.</b>	Bộ	1	10,000,000		10,000,000	Tạm tính
B	<b>Thông tin tuyên truyền kết quả Quan trắc (sau khi có kết quả quan trắc vùng nuôi, thông báo kết quả và khuyến cáo đến các hộ nuôi nuôi trồng thủy sản bằng nhiều phương tiện thông tin ...) 1.000.000 đồng/ tháng/ xã x 11 xã, thị trấn.</b>	Tháng	11	1,000,000		11,000,000	
<b>Tổng A + B</b>						<b>95,840,000</b>	

**PHỤ LỤC: DỰ TOÁN KINH PHÍ PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK HÀ NĂM 2026**

*(Ban hành kèm theo kế hoạch số : /KH-UBND, ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà )*

STT	NỘI DUNG	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Nguồn kinh phí		Ghi chú
					Cấp tỉnh	Cấp huyện	
A	<b>Công tác phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản</b>					<b>84,840,000</b>	
I	<b>Công tác giám sát dịch bệnh</b>					60,940,000	
1	Giám sát chủ động: lấy mẫu xét nghiệm định kỳ 2 đợt/năm				Ngân sách tỉnh		
2	Giám sát bị động khi có dịch bệnh xảy ra chi phí giám sát như: thu mẫu, xét nghiệm, điều tra thu thập thông tin, hướng dẫn xử lý ổ dịch và chống dịch (nếu có)					60,940,000	Nghị Quyết số 11/2017/NQ-HDND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
2.1	Chi phí đi lấy mẫu (công tác phí 1 người x 1 ngày x 11 xã, thị trấn )	Ngày	<b>11</b>	150,000		1,650,000	
2.2	Tiền mua mẫu (cá)					1,430,000	
-	Rô phi (0.5 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/ đợt	Kg	5.50	50,000		275,000	
-	Chép (0.5 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/ đợt	Kg	5.50	50,000		275,000	
-	Trắm cỏ (1 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/ đợt	Kg	11	80,000		880,000	
2.3	Tiền chi phí mua vật tư lấy mẫu (bao bì, đá, thùng xốp...)					<b>7,920,000</b>	Tạm tính
-	Tiền chi phí mua vật tư lấy mẫu (bao bì, đá, thùng xốp...)	Mẫu	<b>11</b>	120,000		1,320,000	
-	Tiền gửi mẫu đến địa điểm xét nghiệm	Mẫu	<b>11</b>	600,000		6,600,000	
2.4	Tiền xét nghiệm mẫu giám sát dịch bệnh vi rút					20,625,000	
-	Rhabdovirus carpio bệnh xuất mùa xuân do virus (SVCV) trên cá chép	Mẫu	11	625,000		6,875,000	
-	Grass carp Reovirus (GCRV) trên cá trắm cỏ	Mẫu	11	625,000		6,875,000	
-	Tilapia Lake (TiLV) trên cá rô phi	Mẫu	11	625,000		6,875,000	
2.5	Tiền xét nghiệm mẫu dịch bệnh vi khuẩn					8,690,000	
-	Vi khuẩn Aeromonas (02 hộ gộp 01 mẫu / xã, thị trấn x 11 xã, thị trấn)	Mẫu	11	395,000		4,345,000	Báo giá

-	Vi khuẩn Streptococcus (02 hộ gộp 01 mẫu / xã, thị trấn x 11 xã, thị trấn)	Mẫu	11	395,000		4,345,000	
II	<b>Khử trùng tiêu độc</b>					<b>500,000</b>	
1	Hóa chất Sodium Chlorite 20% (KTTĐ và dự trữ chống dịch)	kg			Ngân sách tỉnh		
2	Công tác phí cán bộ thú y kiểm tra, giám sát công tác khử trùng tiêu độc tại các xã, thị trấn KTTĐTS ( 500.000 đồng)	đợt	1	500,000		500,000	TT 40/2017/TT-BTC
III	<b>Thông tin tuyên truyền, tập huấn công tác thú y, thủy sản tại các xã, thị trấn hay xảy ra dịch, mật độ nuôi cao, hoặc khi xảy ra dịch bệnh</b>					<b>13,400,000</b>	<b>( ngày 28/4/2017</b>
1	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên không hưởng lương	Người	<b>60</b>	100,000		6,000,000	TT 40/2017/TT-BTC
2	Chi giải khát giữa giờ	Người	<b>60</b>	40,000		2,400,000	( ngày 28/4/2017);
3	Tiền photo tài liệu tập huấn (50 trang x 60 bộ)	Bộ	<b>60</b>	25,000		1,500,000	Tạm tính
4	Tiền mua vở, bút, bì nút	Bộ	<b>60</b>	15,000		900,000	
5	Tiền trang trí hội trường	lớp	<b>2</b>	200,000		400,000	
6	Mua vật tư, dụng cụ thực hành 500.000 đồng/ lớp	lớp	<b>2</b>	500,000		1,000,000	
7	Tiền giảng viên (01 ngày / lớp)	Ngày	<b>2</b>	600,000		1,200,000	Điểm Đ điều 3 thông tư 139/2010/TT-BTC ( ngày 21/9/2010)
IV	<b>Mua dụng cụ đo môi trường trồng thủy sản gồm: (bút đo pH, máy đo oxy hòa tan, bộ test kit nhanh ..... )Đề hướng dẫn hộ nuôi chủ động xử lý nước trong quá trình nuôi.</b>	Bộ	<b>1</b>	10,000,000		10,000,000	Tạm tính
B	<b>Thông tin tuyên truyền kết quả Quan trắc (sau khi có kết quả quan trắc vùng nuôi, thông báo kết quả và khuyến cáo đến các hộ nuôi nuôi trồng thủy sản bằng nhiều phương tiện thông tin ...) 1.000.000 đồng/ tháng/ xã x 11 xã, thị trấn.</b>	Tháng	<b>11</b>	1,000,000		11,000,000	
<b>Tổng A + B</b>						<b>95,840,000</b>	

**PHỤ LỤC: DỰ TOÁN KINH PHÍ PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK HÀ NĂM 2027**

*(Ban hành kèm theo kế hoạch số : /KH-UBND, ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà)*

STT	NỘI DUNG	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Nguồn kinh phí		Ghi chú
					Cấp tỉnh	Cấp huyện	
A	<b>Công tác phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản</b>					<b>84,840,000</b>	
I	<b>Công tác giám sát dịch bệnh</b>					60,940,000	
1	Giám sát chủ động: lấy mẫu xét nghiệm định kỳ 2 đợt/năm				Ngân sách tỉnh		
2	Giám sát bị động khi có dịch bệnh xảy ra chi phí giám sát như: thu mẫu, xét nghiệm, điều tra thu thập thông tin, hướng dẫn xử lý ổ dịch và chống dịch (nếu có)					60,940,000	Nghị Quyết số 11/2017/NQ-HDND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
2.1	Chi phí đi lấy mẫu (công tác phí 1 người x 1 ngày x 11 xã, thị trấn )	Ngày	<b>11</b>	150,000		1,650,000	
2.2	Tiền mua mẫu (cá)					1,430,000	Tạm tính
-	Rô phi (0.5 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/ đợt	Kg	5.50	50,000		275,000	
-	Chép (0.5 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/ đợt	Kg	5.50	50,000		275,000	
-	Trắm cỏ (1 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/ đợt	Kg	11	80,000		880,000	
2.3	Tiền chi phí mua vật tư lấy mẫu (bao bì, đá, thùng xốp...)					<b>7,920,000</b>	
-	Tiền chi phí mua vật tư lấy mẫu (bao bì, đá, thùng xốp...)	Mẫu	<b>11</b>	120,000		1,320,000	

-	Tiền gửi mẫu đến địa điểm xét nghiệm	Mẫu	11	600,000		6,600,000	
2.4	Tiền xét nghiệm mẫu giám sát dịch bệnh vi rút					20,625,000	Báo giá
-	Rhabdovirus carpio bệnh xuất mùa xuân do virus (SVCV) trên cá chép	Mẫu	11	625,000		6,875,000	
-	Grass carp Reovirus (GCRV) trên cá trắm cỏ	Mẫu	11	625,000		6,875,000	
-	Tilapia Lake (TiLV) trên cá rô phi	Mẫu	11	625,000		6,875,000	
2.5	Tiền xét nghiệm mẫu dịch bệnh vi khuẩn					8,690,000	
-	Vi khuẩn Aeromonas (02 hộ gộp 01 mẫu / xã, thị trấn x 11 xã, thị trấn)	Mẫu	11	395,000		4,345,000	
-	Vi khuẩn Streptococcus (02 hộ gộp 01 mẫu / xã, thị trấn x 11 xã, thị trấn)	Mẫu	11	395,000		4,345,000	
II	<b>Khử trùng tiêu độc</b>					<b>500,000</b>	
1	Hóa chất Sodium Chlorite 20% (KTTĐ và dự trữ chống dịch)	kg			Ngân sách tỉnh		
2	Công tác phí cán bộ thú y kiểm tra, giám sát công tác khử trùng tiêu độc tại các xã, thị trấn KTTĐTS ( 500.000 đồng)	đợt	1	500,000		500,000	TT 40/2017/TT-BTC
III	<b>Thông tin tuyên truyền, tập huấn công tác thú y, thủy sản tại các xã, thị trấn hay xảy ra dịch, mật độ nuôi cao, hoặc khi xảy ra dịch bệnh</b>					<b>13,400,000</b>	<b>( ngày 28/4/2017</b>



1	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên không hưởng lương	Người	<b>60</b>	100,000		6,000,000	TT 40/2017/TT-BTC ( ngày 28/4/2017); Nghị Quyết số 11/2017/NQ- HDND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
2	Chi giải khát giữa giờ	Người	<b>60</b>	40,000		2,400,000	
3	Tiền photo tài liệu tập huấn (50 trang x 60 bộ)	Bộ	<b>60</b>	25,000		1,500,000	Tạm tính
4	Tiền mua vở, bút, bì nút	Bộ	<b>60</b>	15,000		900,000	
5	Tiền trang trí hội trường	lớp	<b>2</b>	200,000		400,000	
6	Mua vật tư, dụng cụ thực hành 500.000 đồng/ lớp	lớp	<b>2</b>	500,000		1,000,000	
7	Tiền giảng viên (01 ngày / lớp)	Ngày	<b>2</b>	600,000		1,200,000	Điểm Đ điều 3 thông tư 139/2010/TT-BTC ( ngày 21/9/2010)
IV	<b>Mua dụng cụ đo môi trường trồng thủy sản gồm: (bút đo pH, máy đo oxy hòa tan, bộ test kit nhanh ..... )Để hướng dẫn hộ nuôi chủ động xử lý nước trong quá trình nuôi.</b>	Bộ	<b>1</b>	10,000,000		10,000,000	Tạm tính
B	<b>Thông tin tuyên truyền kết quả Quan trắc (sau khi có kết quả quan trắc vùng nuôi, thông báo kết quả và khuyến cáo đến các hộ nuôi trồng thủy sản bằng nhiều phương tiện thông tin ...) 1.000.000 đồng/ tháng/ xã x 11 xã, thị trấn.</b>	Tháng	<b>11</b>	1,000,000		11,000,000	
<b>Tổng A + B</b>						<b>95,840,000</b>	

**PHỤ LỤC: DỰ TOÁN KINH PHÍ PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK HÀ NĂM 2028**

*(Ban hành kèm theo kế hoạch số : /KH-UBND, ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà)*

STT	NỘI DUNG	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Nguồn kinh phí		Ghi chú
					Cấp tỉnh	Cấp huyện	
A	<b>Công tác phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản</b>					<b>84,840,000</b>	
I	<b>Công tác giám sát dịch bệnh</b>					60,940,000	
1	Giám sát chủ động: lấy mẫu xét nghiệm định kỳ 2 đợt/ năm				Ngân sách tỉnh		
2	Giám sát bị động khi có dịch bệnh xảy ra chi phí giám sát như: thu mẫu, xét nghiệm, điều tra thu thập thông tin, hướng dẫn xử lý ổ dịch và chống dịch (nếu có)					60,940,000	Nghị Quyết số 11/2017/NQ-HDND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
2.1	Chi phí đi lấy mẫu (công tác phí 1 người x 1 ngày x 11 xã, thị trấn )	Ngày	<b>11</b>	150,000		1,650,000	
2.2	Tiền mua mẫu (cá)					1,430,000	Tạm tính
-	Rô phi (0.5 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/ đợt	Kg	5.50	50,000		275,000	
-	Chép (0.5 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/đợt	Kg	5.50	50,000		275,000	
-	Trắm cỏ (1 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/đợt	Kg	11	80,000		880,000	
2.3	Tiền chi phí mua vật tư lấy mẫu (bao bì, đá, thùng xốp...)					<b>7,920,000</b>	
-	Tiền chi phí mua vật tư lấy mẫu (bao bì, đá, thùng xốp...)	Mẫu	<b>11</b>	120,000		1,320,000	
-	Tiền gửi mẫu đến địa điểm xét nghiệm	Mẫu	<b>11</b>	600,000		6,600,000	
2.4	Tiền xét nghiệm mẫu giám sát dịch bệnh vi rút					20,625,000	

-	Rhabdovirus carpio bệnh xuất mùa xuân do virus (SVCV) trên cá chép	Mẫu	11	625,000		6,875,000	Bảo giá
-	Grass carp Reovirus (GCRV) trên cá trắm cỏ	Mẫu	11	625,000		6,875,000	
-	Tilapia Lake (TiLV) trên cá rô phi	Mẫu	11	625,000		6,875,000	
2.5	Tiền xét nghiệm mẫu dịch bệnh vi khuẩn					8,690,000	
-	Vi khuẩn Aeromonas (02 hộ gộp 01 mẫu / xã, thị trấn x 11 xã, thị trấn)	Mẫu	11	395,000		4,345,000	
-	Vi khuẩn Streptococcus (02 hộ gộp 01 mẫu / xã, thị trấn x 11 xã, thị trấn)	Mẫu	11	395,000		4,345,000	
II	<b>Khử trùng tiêu độc</b>					<b>500,000</b>	
1	Hóa chất Sodium Chlorite 20% (KTTĐ và dự trữ chống dịch)	kg			Ngân sách tỉnh		
2	Công tác phí cán bộ thú y kiểm tra, giám sát công tác khử trùng tiêu độc tại các xã, thị trấn KTTĐTS ( 500.000 đồng)	đợt	1	500,000		500,000	TT 40/2017/TT-BTC
III	<b>Thông tin tuyên truyền, tập huấn công tác thú y, thủy sản tại các xã, thị trấn hay xảy ra dịch, mật độ nuôi cao, hoặc khi xảy ra dịch bệnh</b>					<b>13,400,000</b>	<b>( ngày 28/4/2017</b>
1	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên không hưởng lương	Người	<b>60</b>	100,000		6,000,000	TT 40/2017/TT-BTC ( ngày 28/4/2017);
2	Chi giải khát giữa giờ	Người	<b>60</b>	40,000		2,400,000	Nghị Quyết số 11/2017/NQ-HDND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon
3	Tiền photo tài liệu tập huấn (50 trang x 60 bộ)	Bộ	<b>60</b>	25,000		1,500,000	

4	Tiền mua vở, bút, bì nút	Bộ	<b>60</b>	15,000		900,000	Tạm tính
5	Tiền trang trí hội trường	lớp	<b>2</b>	200,000		400,000	
6	Mua vật tư, dụng cụ thực hành 500.000 đồng/ lớp	lớp	<b>2</b>	500,000		1,000,000	
7	Tiền giảng viên (01 ngày / lớp)	Ngày	<b>2</b>	600,000		1,200,000	Điểm đ điều 3 thông tư 139/2010/TT-BTC ( ngày 21/9/2010)
IV	<b>Mua dụng cụ đo môi trường trồng thủy sản gồm: (bút đo pH, máy đo oxy hòa tan, bộ test kit nhanh ..... )Để hướng dẫn hộ nuôi chủ động xử lý nước trong quá trình nuôi.</b>	Bộ	<b>1</b>	10,000,000		10,000,000	Tạm tính
B	<b>Thông tin tuyên truyền kết quả Quan trắc (sau khi có kết quả quan trắc vùng nuôi, thông báo kết quả và khuyến cáo đến các hộ nuôi nuôi trồng thủy sản bằng nhiều phương tiện thông tin ...) 1.000.000 đồng/ tháng/ xã x 11 xã, thị trấn.</b>	Tháng	<b>11</b>	1,000,000		11,000,000	
<b>Tổng A + B</b>						<b>95,840,000</b>	

**PHỤ LỤC: DỰ TOÁN KINH PHÍ PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK HÀ NĂM 2029**

(Ban hành kèm theo kế hoạch số : /KH-UBND, ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà )

STT	NỘI DUNG	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Nguồn kinh phí		Ghi chú
					Cấp tỉnh	Cấp huyện	
A	<b>Công tác phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản</b>					<b>84,840,000</b>	
I	<b>Công tác giám sát dịch bệnh</b>					60,940,000	
1	Giám sát chủ động: lấy mẫu xét nghiệm định kỳ 2 đợt/ năm				Ngân sách tỉnh		
2	Giám sát bị động khi có dịch bệnh xảy ra chi phí giám sát như: thu mẫu, xét nghiệm, điều tra thu thập thông tin, hướng dẫn xử lý ổ dịch và chống dịch (nếu có)					60,940,000	Nghị Quyết số 11/2017/NQ-HDND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
2.1	Chi phí đi lấy mẫu (công tác phí 1 người x 1 ngày x 11 xã, thị trấn )	Ngày	<b>11</b>	150,000		1,650,000	
2.2	Tiền mua mẫu (cá)					1,430,000	Tạm tính
-	Rô phi (0.5 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/ đợt	Kg	5.50	50,000		275,000	
-	Chép (0.5 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/đợt	Kg	5.50	50,000		275,000	
-	Trắm cỏ (1 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/đợt	Kg	11	80,000		880,000	
2.3	Tiền chi phí mua vật tư lấy mẫu (bao bì, đá, thùng xốp...)					<b>7,920,000</b>	
-	Tiền chi phí mua vật tư lấy mẫu (bao bì, đá, thùng xốp...)	Mẫu	<b>11</b>	120,000		1,320,000	
-	Tiền gửi mẫu đến địa điểm xét nghiệm	Mẫu	<b>11</b>	600,000		6,600,000	
2.4	Tiền xét nghiệm mẫu giám sát dịch bệnh vi rút					20,625,000	
-	Rhabdovirus carpio bệnh xuất mùa xuân do virus (SVCV) trên cá chép	Mẫu	11	625,000		6,875,000	

-	Grass carp Reovirus (GCRV) trên cá trắm cỏ	Mẫu	11	625,000		6,875,000	Báo giá
-	Tilapia Lake (TiLV) trên cá rô phi	Mẫu	11	625,000		6,875,000	
2.5	Tiền xét nghiệm mẫu dịch bệnh vi khuẩn					8,690,000	
-	Vi khuẩn Aeromonas (02 hộ gộp 01 mẫu / xã, thị trấn x 11 xã, thị trấn)	Mẫu	11	395,000		4,345,000	
-	Vi khuẩn Streptococcus (02 hộ gộp 01 mẫu / xã, thị trấn x 11 xã, thị trấn)	Mẫu	11	395,000		4,345,000	
II	<b>Khử trùng tiêu độc</b>					<b>500,000</b>	
1	Hóa chất Sodium Chlorite 20% (KTTĐ và dự trữ chống dịch)	kg			Ngân sách tỉnh		
2	Công tác phi can bộ thu y kiểm tra, giám sát công tác khử trùng tiêu độc tại các xã, thị trấn KTTĐTS ( 500.000 đồng)	đợt	1	500,000		500,000	TT 40/2017/TT-BTC
III	<b>Thông tin tuyên truyền, tập nuan công tác thu y, thuy sản tại các xã, thị trấn hay xảy ra dịch, mật độ nuôi cao hoặc khi xảy ra dịch bệnh</b>					<b>13,400,000</b>	<b>( ngày 28/4/2017</b>
1	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên không hưởng lương	Người	<b>60</b>	100,000		6,000,000	TT 40/2017/TT-BTC ( ngày 28/4/2017); Nghị Quyết số 11/2017/NQ-HDND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
2	Chi giải khát giữa giờ	Người	<b>60</b>	40,000		2,400,000	
3	Tiền photo tài liệu tập huấn (50 trang x 60 bộ)	Bộ	<b>60</b>	25,000		1,500,000	Tạm tính
4	Tiền mua vở, bút, bì nút	Bộ	<b>60</b>	15,000		900,000	
5	Tiền trang trí hội trường	lớp	<b>2</b>	200,000		400,000	

6	Mua vật tư, dụng cụ thực hành 500.000 đồng/ lớp	lớp	2	500,000		1,000,000	
7	Tiền giảng viên (01 ngày / lớp)	Ngày	2	600,000		1,200,000	Điểm Đ điều 3 thông tư 139/2010/TT-BTC ( ngày 21/9/2010)
IV	<b>Mua dụng cụ đo môi trường trồng thủy sản gồm: (bút đo pH, máy đo oxy hòa tan, bộ test kit nhanh .... )Để hướng dẫn hộ nuôi chủ động xử lý nước trong quá trình nuôi.</b>	Bộ	1	10,000,000		10,000,000	Tạm tính
B	<b>Thông tin tuyên truyền kết quả Quan trắc (sau khi có kết quả quan trắc vùng nuôi, thông báo kết quả và khuyến cáo đến các hộ nuôi nuôi trồng thủy sản bằng nhiều phương tiện thông tin ...) 1.000.000 đồng/ tháng/ xã x 11 xã, thị trấn.</b>	Tháng	11	1,000,000		11,000,000	
<b>Tổng A + B</b>						<b>95,840,000</b>	

**PHỤ LỤC: DỰ TOÁN KINH PHÍ PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH THỦY SẢN NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK HÀ GIAI ĐOẠN NĂM 2030**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số : /KH-UBND, ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà )

ST T	NỘI DUNG	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Nguồn kinh phí		Ghi chú
					Cấp tỉnh	Cấp huyện	
A	<b>Công tác phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản</b>					<b>84,840,000</b>	
I	<b>Công tác giám sát dịch bệnh</b>					60,940,000	
1	Giám sát chủ động: lấy mẫu xét nghiệm định kỳ 2 đợt/ năm				Ngân sách tỉnh		
2	Giám sát bị động khi có dịch bệnh xảy ra chi phí giám sát như: thu mẫu, xét nghiệm, điều tra thu thập thông tin, hướng dẫn xử lý ổ dịch và chống dịch (nếu có)					60,940,000	Nghị Quyết số 11/2017/NQ-HDND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
2.1	Chi phí đi lấy mẫu (công tác phí 1 người x 1 ngày x 11 xã, thị trấn )	Ngày	<b>11</b>	150,000		1,650,000	
2.2	Tiền mua mẫu (cá)					1,430,000	Tạm tính
-	Rô phi (0.5 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/ đợt	Kg	5.50	50,000		275,000	
-	Chép (0.5 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/đợt	Kg	5.50	50,000		275,000	
-	Trắm cỏ (1 kg/mẫu/ hộ x 11 hộ/11 xã, thị trấn/đợt	Kg	11	80,000		880,000	
2.3	Tiền chi phí mua vật tư lấy mẫu (bao bì, đá, thùng xốp...)					<b>7,920,000</b>	
-	Tiền chi phí mua vật tư lấy mẫu (bao bì, đá, thùng xốp...)	Mẫu	<b>11</b>	120,000		1,320,000	
-	Tiền gửi mẫu đến địa điểm xét nghiệm	Mẫu	<b>11</b>	600,000		6,600,000	



2.4	Tiền xét nghiệm mẫu giám sát dịch bệnh vi rút					20,625,000	Báo giá
-	Rhabdovirus carpio bệnh xuất mùa xuân do virus (SVCV) trên cá chép	Mẫu	11	625,000		6,875,000	
-	Grass carp Reovirus (GCRV) trên cá trắm cỏ	Mẫu	11	625,000		6,875,000	
-	Tilapia Lake (TiLV) trên cá rô phi	Mẫu	11	625,000		6,875,000	
2.5	Tiền xét nghiệm mẫu dịch bệnh vi khuẩn					8,690,000	
-	Vi khuẩn Aeromonas (02 hộ gộp 01 mẫu / xã, thị trấn x 11 xã, thị trấn)	Mẫu	11	395,000		4,345,000	
-	Vi khuẩn Streptococcus (02 hộ gộp 01 mẫu / xã, thị trấn x 11 xã, thị trấn)	Mẫu	11	395,000		4,345,000	
II	<b>Khử trùng tiêu độc</b>					<b>500,000</b>	
1	Hóa chất Sodium Chlorite 20% (KTTĐ và dự trữ chống dịch)	kg					Ngân sách tỉnh
2	Công tác phí cán bộ thú y kiểm tra, giám sát công tác khử trùng tiêu độc tại các xã, thị trấn KTTĐTS ( 500.000 đồng)	đợt	1	500,000		500,000	TT 40/2017/TT-BTC
III	<b>Thông tin tuyên truyền, tập huấn công tác thú y, thủy sản tại các xã, thị trấn hay xảy ra dịch, mật độ nuôi cao, hoặc khi xảy ra dịch bệnh</b>					<b>13,400,000</b>	<b>( ngày 28/4/2017</b>
1	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên không hưởng lương	Người	<b>60</b>	100,000		6,000,000	TT 40/2017/TT-BTC ( ngày 28/4/2017); Nghị Quyết số 11/2017/NQ-HDND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
2	Chi giải khát giữa giờ	Người	<b>60</b>	40,000		2,400,000	
3	Tiền photo tài liệu tập huấn (50 trang x 60 bộ)	Bộ	<b>60</b>	25,000		1,500,000	

4	Tiền mua vở, bút, bì nút	Bộ	<b>60</b>	15,000		900,000	Tạm tính
5	Tiền trang trí hội trường	lớp	<b>2</b>	200,000		400,000	
6	Mua vật tư, dụng cụ thực hành 500.000 đồng/ lớp	lớp	<b>2</b>	500,000		1,000,000	
7	Tiền giảng viên (01 ngày / lớp)	Ngày	<b>2</b>	600,000		1,200,000	Điểm Đ điều 3 thông tư 139/2010/TT-BTC ( ngày 21/9/2010)
IV	<b>Mua dụng cụ đo môi trường trồng thủy sản gồm: (bút đo pH, máy đo oxy hòa tan, bộ test kit nhanh ..... )Để hướng dẫn hộ nuôi chủ động xử lý nước trong quá trình nuôi.</b>	Bộ	<b>1</b>	10,000,000		10,000,000	Tạm tính
B	<b>Thông tin tuyên truyền kết quả Quan trắc (sau khi có kết quả quan trắc vùng nuôi, thông báo kết quả và khuyến cáo đến các hộ nuôi trồng thủy sản bằng nhiều phương tiện thông tin ...) 1.000.000 đồng/ tháng/ xã x 11 xã, thị trấn.</b>	Tháng	<b>11</b>	1,000,000		11,000,000	
<b>Tổng A + B</b>						<b>95,840,000</b>	